TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/TCDS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Chí và bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST-TCDS, ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 23/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (gọi tắt là A).

Địa chỉ: Số xx đường L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện L, theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNN0-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của Tổng giám đốc A.

Địa chỉ: Số xx Nguyễn Tất Th, Tổ dân phố Th, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Thanh H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch M, Ngân hàng N, Chi nhánh huyện L, theo Giấy ủy quyền số 274/UQ/NHNo.LT ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Đồng bị đơn: Bà Trần Thị Kim Á, sinh năm 1964 và ông Trần Công G, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Tổ dân phố x Q, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Bà Á có mặt, ông G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, người được ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là A), ông Lê Thanh H trình bày:

Ngày 29/3/2018, bà Trần Kim Á (được ủy quyền của ông Trần Công G) ký kết với Ngân hàng N, Chi nhánh huyện L, Phòng giao dịch M Hợp đồng tín dụng số 3802-LAV-201801441/HĐTD vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng quy mô nhỏ. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán chi phí sửa chữa nhà ở. Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng, kể từ ngày 29/3/2018; kỳ hạn trả gốc theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân: Giấy nhận nợ số 3802-LDS-201802738 ngày 29/3/2018, số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng, dư nợ gốc hiện tại: 174.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ: 36 tháng, ngày 29/3/2019 trả gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 29/3/2020 trả gốc 40.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 29/3/2021 trả gốc 150.000.000 đồng và lãi phát sinh; kỳ hạn trả nợ lãi cùng kỳ trả nợ gốc. Lãi suất cho vay trong hạn 10%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn. Lãi suất đối với tiền lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Từ ngày nhận tiền vay đến nay bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G đã trả tiền gốc 26.000.000 đồng và trả tiền lãi 35.690.410 đồng. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G đã sử dụng tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 88TT/HĐTC ngày 29/3/2018 ký giữa Ag Chi nhánh huyện L, Phòng giao dịch M với bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L. Tài sản thế chấp gồm:

- Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx. Địa chỉ thửa đất: Xóm Kh, xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Diện tích thửa đất: 1.151m^2, (trong đó đất ở 400m^2, đất trồng cây lâu năm 751m^2), vào sổ cấp GCN: CH 00160 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/10/2016 cho bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G. Giá trị quyền sử dụng đất: 200.000.000 đồng;

- Nhà ở: Diện tích xây dựng: 75m^2, cấp IV. Giá trị tài sản gắn liền với đất: 100.000.000 đồng.

Ngày 29/3/2020, A, phòng giao dịch M đã lập biên bản làm việc về việc toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn và gửi nhiều giấy báo về việc nợ quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc trả nợ nhưng bà Á và ông G không trả nợ. Tính đến ngày 15/6/2023, bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G còn nợ ngân hàng số tiền 255.518.851 đồng, trong đó nợ gốc 174.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 17.602.741 đồng, nợ lãi quá hạn 63.916.110 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Agribank yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G trả nợ A số tiền 262.955.563đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng); trong đó nợ gốc 174.000.000đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng), nợ lãi trong hạn 17.602.741đ (Mười sáu triệu sáu trăm linh hain nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng), lãi quá hạn 71.352.822đ (Bảy mươi mốt triệu ba trăm năm mươi hai nghìn tám trăm hai

mươi hai đồng), tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm và phải chịu lãi sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín đã ký kết.

Trường hợp bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nêu trên cho A, đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản bà Á và ông G đã thế chấp tại ngân hàng để thu hồi nợ vay.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A thì A thông qua chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với đồng bị đơn bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đồng bị đơn đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng bà Á và ông G đều vắng mặt. Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G nhưng bà Á và ông G vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Toà án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ nhưng ông Trần Công G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, bà Trần Thị Kim Á có mặt, ông Trần Công G tiếp tục vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Công G theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2023, bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G trình bày: Bà Á và ông G nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải của Tòa án nhưng do ông G tuổi đã lớn không thể đi đường xa được, bà Á phải ở nhà chăm sóc ông G nên không đến Tòa án được. Bà Á và ông G thừa nhận có vay tiền tại Ngân hàng N, Phòng giao dịch M số tiền 200.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 26.000.000 đồng, tiền lãi 35.690.410 đồng và không tiếp tục trả nợ cho ngân hàng được vì ông G tuổi cao, hay đau ốm, bà Á phải ở nhà chăm sóc ông G nên không lao động tạo ra thu nhập trả nợ cho ngân hàng được. Bà Á và ông G thừa nhận có thế chấp tại ngân hàng thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx. Địa chỉ thửa đất: Xóm Kh, xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Diện tích thửa đất: 1.151m^2, (trong đó đất ở 400m^2, đất trồng cây lâu năm 751m^2). Bà Á, ông G đề nghị ngân hàng cho vợ chồng ông bà thêm thời gian con cái hỗ trợ tiền trả nợ cho ngân hàng, nếu ngân hàng không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2023, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ các tài sản thế chấp, kết quả: Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx. Địa chỉ thửa đất: Xóm Kh, xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Diện tích thửa đất: 1.151m^2, có các tứ cận: Phía Tây giáp với đường bê tông có số đo 26,4m; phía Bắc giáp với thửa đất số 129 có số đo 42,61m; phía Đông giáp với thửa đất số 232 có số đo 26,37m; phía Nam giáp với đường đất. Nhà ở: Nhà 1 tầng 3 gian; móng trụ bê tông cốt thép; móng tường xây đá hộc. Cột, giằng, xà (dầm) bê tông cốt thép. Tường xây bao che bằng gạch hoàn chỉnh dày 18cm, quyét vôi ve màu. Nhà cao 3,5 mét, phần mái hiên và phòng lồi không đổ be tông cốt thép, mái lợp ngói, không đóng trần. Cửa gỗ nhóm 3 không có khuôn ngoại. Nền lát gạch ceramic. Hệ thống điện đi nổi. Diện tích ngôi nhà 9m x 8,4m =

75,6m^2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy phát biểu quan điểm: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318, 319, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N. Buộc bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G phải trả nợ cho Ngân hàng N số tiền tổng cộng là 262.955.563đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng); trong đó nợ gốc 174.000.000đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng), nợ lãi trong hạn 17.602.741đ (Mười sáu triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng), lãi quá hạn 71. 352.822đ (Bảy mươi mốt triệu ba trăm năm mươi hai nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm và chịu lãi sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết; buộc bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G chịu chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt của đồng bị đơn bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến đồng bị đơn nhưng bà Á và ông G vắng mặt; do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Ông Trần Công G vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất ngày 11/9/2023 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai, ông Trần Công G vẫn vắng mặt, mặc dù Toà án đã tống đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn ông Trần Công G.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn đăng ký nhân khẩu thường trú tại thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét Hợp đồng tín dụng số 3802-LAV-201801441/HĐTD ngày 29/3/2018 ký kết giữa A, phòng giao dịch M với bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, do đó đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho vay tại Hợp đồng tín dụng số 3802-LAV-201801441/HĐTD ngày 29/3/2018. Bà Á và ông G thừa nhận có vay tiền tại Ngân hàng N, Phòng giao dịch M số tiền 200.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 26.000.000 đồng, tiền lãi 35.690.410 đồng và không tiếp tục trả nợ cho ngân hàng được vì ông G tuổi cao, hay đau ốm, bà Á phải ở nhà chăm sóc ông G nên không lao động tạo ra thu nhập trả nợ cho ngân hàng được. Bà Á, ông G đề nghị ngân hàng cho vợ chồng ông bà thêm thời gian con cái hỗ trợ tiền trả nợ cho ngân hàng, nếu ngân hàng không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc đồng bị đơn bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G trả nợ cho A số tiền tổng cộng là 262.955.563đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng); trong đó nợ gốc 174.000.000đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng), nợ lãi trong hạn 17.602.741đ (Mười sáu triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng), lãi quá hạn 71. 352.822đ (Bảy mươi mốt triệu ba trăm năm mươi hai nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2023). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3802-LAV-201801441/HĐTD ngày 29/3/2018 giữa A, phòng giao dịch M với bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G là phù hợp các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 88TT/HĐTC ngày 29/3/2018 giữa bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G với ngân hàng: Để đảm bảo khoản tiền vay của mình, bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G đã ký hợp đồng với A, phòng giao dịch M, thế chấp tài sản:

- Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx. Địa chỉ thửa đất: Xóm Kh, xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Diện tích thửa đất: 1.151m^2, (trong đó đất ở 400m^2, đất trồng cây lâu năm 751m^2), vào sổ cấp GCN: CH 00160 do Ủy ban nhân dân huyện Lệ

Thủy cấp ngày 10/10/2016 cho bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G. Giá trị quyền sử dụng đất: 200.000.000 đồng;

- Nhà ở: Diện tích xây dựng: 75m^2, cấp IV. Giá trị tài sản gắn liền với đất: 100.000.000 đồng.

Vì vậy, nếu bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với A, phòng giao dịch M thì A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi vốn cho vay.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A thì A thông qua chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp: Đã chi phí số tiền 3.100.000 đồng và số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Buộc bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G phải chịu số tiền 3.100.000 đồng trả lại cho Ngân hàng N là phù hợp với quy định tại các Điều 157, 158, 165 và 166 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, đồng bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318, 319, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng N. Buộc bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G phải trả nợ cho Ngân hàng N số tiền tổng cộng là 262.955.563đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng); trong đó nợ gốc 174.000.000đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng), nợ lãi trong hạn 17.602.741đ (Mười sáu triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng), lãi quá hạn 71.352.822đ (Bảy mươi mốt triệu ba trăm năm mươi hai nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3802-LAV-201801441/HĐTD ngày 29/3/2018 giữa Ngân hàng N, phòng giao dịch M với bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G.

2/ Trường hợp bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G không trả được nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn cho vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 88TT/HĐTC ngày 29/3/2018 được ký kết giữa Ngân hàng N, phòng giao dịch M với bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A thì A thông qua chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G để thu hồi nợ

3/ Về chi phí tố tụng và án phí: Bà Trần Thị Kim Á và ông Trần Công G phải chịu số tiền 3.100.000 đồng trả lại cho ngân hàng N và phải chịu số tiền 13.147.000đ (Mười ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tạm ứng án phí số tiền 6.387.971 đồng đã nộp theo biên lai thu số 31AA/2021/0004663 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/9/2023); đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.